TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 -9- 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Dân Tiên
2. Bà Lê Thị Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ *tham gia phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1976. Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi;

(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 -6 - 2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Anh L và chị Trần Thị Mỹ L kết hôn năm 2004 đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Y. Sau 10 năm chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị L không lo làm ăn, không biết chăm sóc gia đình, không giúp đỡ công việc cùng anh. Ngoài ra còn do mâu thuẫn trong việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và còn do chị L có quan hệ ngoại tình. Do vậy tình cảm đã không còn nữa cho nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con là cháu Nguyễn Thanh S sinh ngày 18/11/2004 và cháu Nguyễn Thanh M sinh ngày 17/12/2007; khi ly hôn anh L yêu cầu nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày: về quan hệ hôn nhân chị thống nhất như trình bày của nguyên đơn. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ sau năm 2014, nguyên nhân là do anh Nguyễn Thanh L có quan hệ ngoại tình nhưng vì con và gia đình nên chị vẫn tiếp tục chung sống đến nay. Tuy nhiên nay anh L gửi đơn thì chị chấp nhận ly hôn.

Về con chung: có hai con như nguyên đơn trình bày; khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi cháu một tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Tòa án không thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ cho bị đơn là vi phạm quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị cho anh Nguyễn Thanh L được ly hôn chị Trần Thị Mỹ L.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thanh S cho anh Trần Thanh L nuôi dưỡng, đề nghị giao cháu Nguyễn Thanh M cho chị Trần Thị Mỹ L nuôi dưỡng. Anh L có nghề nghiệp tương đối ổn định nên cần buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu M mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Hai bên đương sự khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/6/2019 anh Nguyễn Thamh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Mỹ L hiện có hổ khẩu thường trú tại tổ dân phố A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Mỹ L đúng theo quy định nhưng chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh L và chị Trần Thị Mỹ L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND thị trấn Y, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng đã không tôn trọng lẫn nhau, không còn quan tâm nhau và đã sống ly thân từ giữa năm 2015 đến nay. Việc anh L yêu cầu ly hôn thì chị L đồng ý. Mặt khác qua xác minh tại Hội Phụ nữ thị trấn Y cho biết thì vợ chồng anh L và chị L trong cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L và chị L đều nghi ngờ sự thủy chung của đôi bên. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh L

và chị L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho anh L được ly hôn với chị L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh L và chị Trần Thị Mỹ L có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh S, sinh ngày 18/11/2004 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 17/12/2007. Xét yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay các con chung đang sống với chị L. Mặc dù hiện nay con chung từ đủ 07 tuổi có nguyện vọng được sống với mẹ nhưng chị L nghề nghiệp thu nhập không ổn định. Anh Nguyễn Thanh L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Thanh S cho anh L nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thanh M cho chị L nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị L. Hội đồng xét xử nhận thấy anh L không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên mức cấp dưỡng chị L yêu cầu 2.000.0000 đồng/cháu/tháng là cao so với điều kiện thu nhập của anh L. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp.

[2.3]Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3]Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 106, 107 Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh L được ly hôn chị Trần Thị Mỹ L.

Veà con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh S sinh ngày 18/11/2004 cho anh Nguyễn Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thanh M sinh ngày 17/12/2007 cho chị Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Thanh M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Nguyễn Thanh L, chị Trần Thị Mỹ L có quyền đến thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: các bên khai không có.

Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí tạm ứng án phí anh L đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0004950 ngày 24 - 6 - 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ; anh L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Thanh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị Mỹ L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Kha